TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ DĨ AN** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 120/2023/HNGĐ-ST
Ngày 05-9-2023
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Chu Thị Vân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hoàng Lệ Chi.

2. Bà Trần Thị Ngọc.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Duy Long - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Trần Trọng An - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số: 174/2023/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 5 năm 2023 về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 108a/2023/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Bùi Thị Ng1, sinh năm: 1985; thường trú: Xóm 5, xã H, huyện H, tỉnh Nghệ An; tạm trú: Số 554/10 khu phố T, phường T, thành phố D, tỉnh B. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- *Bị đơn:* Ông Đinh Bạt T1, sinh năm: 1976; thường trú: Xóm 5, xã H, huyện H, tỉnh Nghệ An; tạm trú: Số 554/10 khu phố T, phường T, thành phố D, tỉnh B. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Bùi Thị Ng1 trình bày: Bà và ông T1 là vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện C, tỉnh H theo giấy chứng nhận kết hôn số 24 ngày 18/4/2006. Việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng sinh sống tại thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính T1 không hợp nhau, luôn bất đồng về quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra cãi vã. Cuộc sống hôn nhân ngày càng căng thẳng, không hạnh phúc. Trước khi

nộp đơn khởi kiện thì bà đã nộp đơn yêu cầu ly hôn tại Tòa án 02 lần nhưng sau đó bà đã rút đơn để cho ông T1 thêm cơ hội hàn gắn T1 cảm. Tuy nhiên ông T1 không chịu thay đổi, thậm chí còn chửi bới xúc phạm và đánh đập bà nhiều lần. Nay bà Ng1 xác định T1 cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu ly hôn với ông T1.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 03 con chung tên Đinh Công A1, sinh ngày 30/9/2006; Đinh Thị Anh Th1, sinh ngày 25/8/2008 và Đinh Thị Như Q1 sinh ngày 26/4/2019. Sau khi ly hôn, bà Ng1 yêu cầu được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng các con và không yêu cầu ông T1 cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Bà Ng1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn ông Đinh Bạt T1 đã được Tòa án thông báo tham gia tố tụng, thông báo yêu cầu cung cấp chứng cứ, tống đạt các văn bản tố tụng nhưng ông không đến Tòa án làm việc, không cung cấp lời khai, không có yêu cầu phản tố, không cung cấp chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng pháp luật về tố tụng dân sự. Nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt nên căn cứ vào các Điều 227, 228 và 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đúng quy định. Về nội dung vụ án: Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ các Điều 227, 228 và 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Ng1 và ông T1 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện C, tỉnh H theo giấy chứng nhận kết hôn số 24 ngày 18/4/2006 nên đây là hôn nhân hợp pháp. Bà Ng1 xác định quá trình chung sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung nên thường xuyên xảy ra cãi vã. Trước khi Tòa án thụ lý vụ án này thì bà đã từng nộp đơn yêu cầu ly hôn 02 lần nhưng đều rút đơn khởi kiện để cho ông T1 thêm cơ hội để hàn gắn T1 cảm vợ chồng nhưng ông T1 không thay đổi mà còn chửi bới, đánh đập bà nhiều lần. Nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng quá trầm trọng không thể hàn gắn được nên bà Ng1 yêu cầu được ly hôn với ông T1. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã xác minh, trước khi thụ lý vụ án bà Ng1 và ông T1 không ai có đơn đề nghị hòa giải tại cơ sở nhưng tài liệu chứng cứ Tòa án thu thập thể hiện ông T1 đã có hành vi bạo lực gia đình đối với bà Ng1 vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 52 Nghị định số 144/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021 của

Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng, chống bạo lực gia đình.

[3] Xét thấy mục đích của hôn nhân là nhằm xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, hạnh phúc; để đạt được mục đích đó vợ chồng cần phải thương yêu, tin tưởng, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ, tạo điều kiện cho nhau phát triển về mọi mặt, xây dựng gia đình ấm no hạnh phúc. Bà Ng1 xác định quan hệ hôn nhân của vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, phát sinh trong thời gian dài không hàn gắn được. Ông T1 đã được Tòa án triệu tập làm việc, tham gia hòa giải và tham gia phiên tòa nhưng đều vắng mặt, không cung cấp lời khai, không cung cấp tài liệu chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án. Như vậy chứng tỏ mâu thuẫn giữa bà Ng1 và ông T1 đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, bà Ng1 yêu cầu được ly hôn với ông T1 là có căn cứ chấp nhận, phù hợp với quy định tại Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Bà Ng1 xác định quá trình chung sống vợ chồng có 03 con chung tên Đinh Công A1, sinh ngày 30/9/2006; Đinh Thị Anh Th1, sinh ngày 25/8/2008 và Đinh Thị Như Q1, sinh ngày 26/4/2019. Khi Tòa án giải quyết việc ly hôn cần xem xét đến sự phát triển của con chưa thành niên để quyết định việc giao con cho ba hay mẹ trực tiếp nuôi dưỡng. Xét thấy, ông T1 được Tòa án triệu tập nhưng đều vắng mặt, không có ý kiến về con chung, không cung cấp chứng cứ chứng minh ông có việc làm, có thu nhập và có mong muốn nuôi con. Các con đều chưa thành niên và trong bản tự khai cháu A1h, cháu Th1 đều có mong muốn được ở với mẹ. Bà Ng1 có việc làm, thu nhập và chỗ ở ổn định. Vì vậy, để đảm bảo tốt nhất cho sự phát triển của con chưa thành niên, Tòa án giao cháu A1, cháu Th1 và cháu Q1 cho bà Ng1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Ng1 không yêu cầu ông T1 thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, đây là ý chí tự nguyện của bà Ng1 nên Tòa án ghi nhận.

[6] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[7] Từ những nhận định trên, Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

[8] Về án phí sơ thẩm: Bà Ng1 phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, các Điều 227, 228, 238, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; các Điều 3, 17, 18, 19, 51, 56, 81, 82, 83, 84, 107, 110 Luật Hôn nhân và Gia đình; áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị Ng1 đối với ông Đinh Bạt T1 về việc ly hôn, nuôi con.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Bùi Thị Ng1 được ly hôn với ông Đinh Bạt T1. (Giấy chứng nhận kết hôn số 24 do Ủy ban nhân dân thị trấn Cẩm Xuyên, huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh cấp ngày 18/4/2006).

- Về con chung: Giao 03 (ba) con chung tên Đinh Công A1, sinh ngày 30/9/2006; Đinh Thị Anh Th1, sinh ngày 25/8/2008 và Đinh Thị Như Q1, sinh ngày 26/4/2019 cho bà Bùi Thị Ng1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Bùi Thị Ng1 về việc không yêu cầu ông Đinh Bạt T1 thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Sau ly hôn, bà Ng1 và ông T1 đều có quyền chăm sóc, thăm nom, giáo dục con, không ai có quyền cản trở ông, bà thực hiện quyền này. Trường hợp ông T1 lạm dụng việc đi lại, thăm nom con gây ảnh hưởng xấu đến việc bà Ng1 nuôi con thì bà có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con theo quy định của pháp luật. Vì quyền lợi hợp pháp của các con, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Bùi Thị Ng1 phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn, được khấu trừ toàn bộ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0006372, ngày 12/5/2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

3. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Dĩ An;
- Chi cục THADS thành phố Dĩ An;
- Đương sự;
- Lưu: VP, HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Chu Thị Vân